

## PHẨM QUÁN CHÚNG SANH

Bốn phẩm sau rộng giải thích về thật bệnh, có hai: a, nêu chung bày chương. b, y chương giải nghĩa, nói ý có phẩm này và ba phẩm sau, nói ý có, căn cứ phẩm Bất Tư Nghì mà nói ý có phẩm. Sở dĩ lại nói việc có phẩm trước là muốn khiến văn sau nối tiếp theo không rối loạn. Văn có hai: gần thì đối phẩm Thăm Bệnh mà thành nghĩa quả cao tốt, tức là thành hai chỗ quả dụng xa gần. Gần để làm lời cho văn sau. Tiêm sư nói: Chỉ là duyên với thắng dụng khó nghĩ bàn, thì biết là quả chứng rất sâu xa, cho nên nói thành nghĩa quả ở trên. Bệnh nhân duyên lợi vật bất tư nghì, nhân duyên chỉ là cảm ứng, hoặc nhân Thánh mà duyên phàm, hoặc nhân phàm mà duyên Thánh. Nhân thân thiết, duyên sơ sài, nghĩa như thường luận. Hoặc nói cảm ứng, thì cảm nhất định là ở phàm, ứng nhất định là ở Thánh. Cho nên biết chỉ ước tám đôi mà nói dụng bất tư nghì tất cả đều là bệnh lợi vật. Xa là đối phẩm Phật Quốc. “Căn cứ ...” bốn phẩm là nói ý đến, lược bày, ngài Kinh Khê nói: “Gồm thành bốn phẩm ngoài thất, lý cần gồm nửa phẩm Phật Quốc. Tổng luận chung nên nói là bốn. Cho nên phương tiện ba thứ dưới chính là ba quán. Phẩm Phương Tiện căn cứ pháp được dùng phần lớn là thuộc không. Các đệ tử và Bồ-tát ước pháp hay chê trách, mà đệ tử phần nhiều đều thuộc giả, vì Bồ-tát phần nhiều đều thuộc trung. Phật quốc thì đủ ba. Ba quán đã thế thì bốn giáo chuẩn đó mà biết. “Phần này ...” là giải thích rộng, gần là thành việc thăm bệnh để điều phục và ủy dụ, gồm nêu bày và giải thích, phẩm này thành việc từ giả vào không ở trên. Ngài Kinh Khê nói: Mà nói là thành, tức là giải thích thành. Trên nói về không, đã không tất cả, tức là đều không. Cần phải đủ cả giả trung mà chỉ nói không, thì đây có hai ý: 1, Là khai thông đường chiếu rộng suốt ba đế, tuy ba mà không. 2, Là do ở giáo Phương đẳng tuy ba mà thông, cho nên khiến thông tương lại khác thứ lớp, chưa phải là hiển riêng một mình, chỉ là biết chung. Nếu thế thì thông còn chưa rõ ràng, huống là nay ở không mà thêm bốn vô lượng và rộng như trên... nên nói là có khác một ít. Thế nên nay dùng phẩm thứ ba giải thích phẩm Quán Chúng Sinh trên. Trung có giả trung, nên nói dựa theo không mà khởi bốn vô lượng, có nghĩa phải giả quán gồm cả không trung, nên nó là ước không. Nếu chuẩn theo văn này thì cùng tốt được nguồn gốc chúng sinh, nghĩa ở trung mà ý ở không trung. Ngài Tịnh Danh đáp... nguồn tức là nguồn gốc vô trụ, còn đến vô trụ há chỉ là không ư? Phẩm Phật đạo thành việc từ không vào giả ở trên. Ngài Kinh Khê nói: Kế phẩm Phật đạo đã luận giả trung, mặc tình biến

thành giả trung bất tư nghi. Trong văn tuy không nói rõ ràng nhưng đạo lý là thế. Tuy nhiên ở đây là từ ý chỉ của giáo. Vì nói hiển cơ nên cần phải nương nhờ Phương đẳng. Cho nên phân ba phẩm để thuộc ba quán. Hai phẩm Bất Nhị và Hương Tích thành trung đạo trên. Ngài Kinh Khê nói: Như bệnh ta... là thường thấy bệnh này đồng thể với không. Cho nên trung song phi, bệnh cũng song phi. Vì phi tục nên phi hữu, vì phi chân nên phi vô. Đây chính là nghĩa trung đạo vậy. Xa thành bốn phẩm ngoài thất, chánh thành ba phẩm, phẩm này thành phẩm Phương Tiện trên. Phẩm Phật đạo thành phẩm Đệ Tử trên. Phẩm Bất Nhị và Hương Tích thành phẩm Bồ-tát trên. “Nay được ...” là giúp thành Phật quốc. “Bốn thứ này...” là nêu phẩm phân chương.

Lược giải thích tên phẩm này, gồm sinh khởi giải thích chung. Ngài Kinh Khê nói: Tự cùng tha... trước phải hiểu rõ tâm thì mới biết được chúng sinh và Phật. Trước đã hiểu rõ như thế, thì sau này khi chiếu chỉ chiếu một bên, nhưng đều đầy đủ cả ba. Nên nay chỉ nói quán chúng sinh mà thôi. Ý này chính là hiển bày không và trung. Cho nên trước dẫn kinh Hoa Nghiêm tự tha cùng hiển. Rồi y Phương đẳng mà lại theo thông cho nên giải thích quán, hiểu rõ quán, xuyên suốt văn, đều không cả ba đế. Từ bi tiếp vật, vật tức chúng sinh, vì từ vị tha nên quán tha. Pháp lợi tha chỉ bốn vô lượng tâm.

“Quán dĩ...” là phân chữ giải thích riêng, cùng nêu. Ngài Kinh Khê nói: Nói quán xuyên suốt, là không nương chỉ quán mà xuyên suốt. Chữ quán (rất cùng nghĩa với chữ quán), họ dùng chữ để giải thích chữ. Cùng giải thích, chúng sinh và Phật luận chung. “Tục đế...” là căn cứ ba đế mà giải thích riêng. Bồ-tát chiếu liễu, ngài Kinh Khê nói: Ước người lợi căn từ đây được nhập. “Cho nên Đại kinh ...” là búa bén chặt bỏ.

Đá tảng, cát, sỏi đối dụ ba hoặc như trong quán xuyên suốt.

Hỏi: Quán đạt, quán xuyên đồng dùng dụ này, vì sao lại luận khác?

Đáp: Hiểu rõ ba hoặc một tâm, đó là nghĩa quán đạt, mà phá hoặc trước sau là nghĩa quán xuyên, đều là lý quán trung, như đến lớp kim cang. Thế thì quán đạt căn cứ ngang, quán xuyên căn cứ dọc, ngang dọc tuy khác nhưng ba hoặc không khác. Cho nên Đại kinh một dụ hai chỗ đều thông dụng. Quán xuyên, Dựa vào phá hoặc hiển bày nghĩa. Dẫn kinh Pháp Hoa để chứng thành. Ngài Kinh Khê nói: Cho nên Pháp Hoa... là tuy dùng ba Không nhưng chỉ là mượn thí dụ của kinh Pháp Hoa ấy. Dụ người ba căn quán chúng sinh, nhập ba đế không. Song nay thấy lý trung cùng Pháp Hoa... là gồm căn cứ bộ Tiểu thừa làm không bằng

nhau. “Cho nên nhập...” là cùng kết. Chúng sinh ba thứ dựa vào ngang. Kiểm xét tận nguồn cội là dựa theo dọc. Giải thích chúng sinh, nêu tên lược bày. Ngài Kinh Khê nói: Nói chúng sinh..., chữ quán có hai hướng. Giải thích chữ quán tuy gồm chúng sinh, nhưng chỉ là năng quán tổng quát mà nói. Nay giải thích riêng hai chữ chúng sinh. Chúng sinh tức là cảnh sở quán. “Tỳ-đàm...” là nêu tông giải nghĩa, nêu chấp tông. Ngài Kinh Khê nói: Hai chữ chúng sinh đều ước vào các bộ Tiểu thừa để giải thích. Bộ thuộc Phương đẳng phải ở từ tiểu tông. Nếu ở Đại thừa thì chỉ luận về quán riêng, giải thích tên nào khác. Trong văn nêu ra bốn nhà:

1. Tỳ-đàm.
2. Độc Tử.
3. Thành Thật luận.
4. Phương Quảng Đạo nhân.

Trong đó Độc Tử và Phương Quảng là ngoại đạo dựa vào Phật pháp. Tự cho mình thông minh đọc kinh sách Phật mà sinh kiến giải. Độc Tử đọc Xá-lợi-phất, Tỳ-đàm tự chế nghĩa riêng mà nói: Ta ở ngoài bốn câu, cú thứ năm không thể nói trong tạng. Phương quảng đạo nhân đọc mười dụ của Phật tự làm nghĩa nói rằng: Bất sinh bất diệt như huyễn như hóa, không huyễn làm tông. Tỳ-đàm nói chỗ tạo thành chúng sinh là vì nắm giữ năm ấm mà thành chúng sinh, cho nên chúng sinh do giả danh tạo thành, năm ấm thật pháp là có thể thành cái thứ năm không thể nói trong tạng, tức ba đời và pháp vô vi là bốn câu. Ngã lia bốn câu này nên nói là thứ năm. Ngã tức chúng sinh giả hợp gọi là chúng sinh. Chủ thể nên gọi là ngã. Do chủ thể nên giả hợp, do giả hợp nên chủ thể, kỳ thật là một. Đại luận phá đây, tức là phá Phương quảng. Lỗi ý Đại thừa (diễn), ngài Kinh Khê nói: Không có ba giả. Đó là Tiểu thừa lạm dụng tên Đại thừa mà không có ý chỉ đại nên có lỗi. “Nay kinh ...” là nói giải thích nay. Ngài Kinh Khê nói: Hướng nay dựa theo diễn huyễn hóa vốn thông, thông ở Phật tánh trung đạo. Liệu giản, chọn lựa tà chánh. Ngài Kinh Khê nói: Chấp không hý luận... là họ chấp huyễn hóa phá tích pháp của người khác mà toàn là chẳng nhập không môn, hướng lại nhập lý trung bất tư nghì ư? “Kinh này ...” là hiển bày chánh. Đại kinh đến Niết-bàn là dẫn Đại kinh Đại luận để chứng trung đạo cũng gọi là chúng sinh. Sáu pháp, tức là năm ấm và chúng sinh. Nay nắm pháp tánh trung đạo để lập giả danh là Phật tánh không lia sáu pháp. Đây cùng Đại kinh văn nghĩa có khác chút ít. Kinh ấy nói Phật tánh chân lý cùng sáu pháp là vọng sự, chẳng tức chẳng ly, cho nên nói sáu pháp chẳng tức, sáu pháp chẳng ly. Nay văn chỉ năm năm ấm pháp tánh, chúng sinh

giả danh gọi là chẳng ly sáu pháp. Dẫn Đại luận thì, pháp tức năm ấm, năm ấm thường gọi là năm Niết-bàn. Ở tột đỉnh mười giới nên không còn ai trên. Ngài Kinh Khê nói: Chúng sinh Phật tánh không lia... không thông với trung mà làm thuyết này. Giải thích trong đây khác với các văn khác. Đây chúng ba đế đều ước chúng sinh, mỗi thứ đều không lia trung đạo Phật tánh, vì Phật tánh cũng gọi là chúng sinh. Nếu đổi cách chung chẳng tức mà nói, vì giả chẳng tức, cho nên tức là chân tục hai thứ chúng sinh. Nói chẳng lia là không giả chúng sinh thể tức trung. Lại chẳng tức là ba thứ đều không phải “phi). Lại chẳng lia ba thứ đều phải. Cho nên quán chúng sinh nghĩa thông tất cả. Đây tức ngài Kinh Khê lấy chung ba đế để giải thích sáu pháp. Đối văn có giống và khác, nhưng ở nghĩa vẫn thông.

Chọn lựa đại tiểu. Hỏi: Như đại thứ năm... pháp có số nhất định, về đại thì chỉ có bốn tron không có đại thứ năm. Nay quán chúng sinh vốn “không” có như đại thứ năm. Đã chỉ là không tịch vì sao lại hưởng văn ước chân trung mà giải thích chúng sinh? Ngài Kinh Khê nói: Hỏi... là chánh ý muốn định ba đế tức không, cho nên lấy các cõi mà hỏi về quán. Ước quán không phải chỉ là dẫn không. Ở hữu cũng có không, giả, trung. Tuy chẳng có không ở văn biến dịch, nhưng nghĩa phải ở không của hoặc hai độ. Cho nên trong đáp thì dẫn Bồ-tát quán không mà lệ vào.

Trong đáp thì trước chỉ dựa vào không phần đoạn mà đáp, sau dựa vào khắp không ba đế mà đáp. Đây tức hai phen nói thông ý kinh. Trước đã chỉ không phần đoạn, ngại gì lại ước chân đế mà luận chúng sinh biến dịch. Kế nói Bồ-tát ba đế đều không, thì kinh nói đại thứ năm... há chỉ dụ ở phần đoạn mà cũng dụ ở biến dịch vốn “không”. Cho nên được ước ba đế để giải nghĩa chúng sinh. Trước trong đáp có nói y chân đều bằng “đồng nhau). Phần đoạn tuy không nhưng biến dịch chưa không. Kế văn phân hai. Trước chọn bỏ Tiểu thừa còn chẳng quán. Niết-bàn không, Niết-bàn chẳng Không nên chịu biến dịch. “Nay nói...” là hiển Đại thừa, nói ba đế đều không. Ngài Kinh Khê nói: Lại nói đến cũng không là tin ba đế là không. Đã là đối giải tuy chưa thể thấy hoặc giả hoặc trung, nhưng thường phá bệnh chấp giả chấp trung. “Sở dĩ...” là chỉ rõ trung không. Do đó nói phá chấp dụng không. Ngài Kinh Khê nói: Sở dĩ có lúc... không phải chỉ đối giải phá chấp mà thôi, cũng thường thật phá hoặc nhị biên. Không đồng với đối giải nên nói có lúc. Nếu không nhị biên tức là hiển bày trung đạo, cho nên nói không ở nhị biên. Nếu chấp... là phá người chấp hai quán, chấp trung đạo mà nói. “Một mực...”

là hiển bày không tức ba đế, nói không là không phải đoạn diệt. Một tâm đầy đủ muôn hạnh, ngài Kinh Khê nói: Đây là nhân người nhập viên trung mà nói. Đã không giả đều không mà nhập trung không, trung không mặc tình đầy đủ muôn hạnh. “Cho nên...” ở cõi Vô sắc thì sắc chính dụ cho không trung đạo. Thế nên vừa giải thích chúng sinh được ước ba đế. “Phải biết...” là ở không mà đủ cả ba thứ, chánh giải thích đủ ba. Tuy đồng nhập không đến ba trí vậy. Ngài Kinh Khê nói: Nếu căn cứ vào tên thì khi chuẩn nhập không, chỉ có thể được tên Nhất thiết trí. Nhất thiết trí này lý nó đã thông, tức Nhất thiết trí này cũng thông ba đế. Như thế nhập không...” là kết thành thông tướng. Như phẩm này đã nói, không trung đã đầy đủ từ... ba nghĩa thì nghĩa phải ở giả. Xả bỏ đi thì nghĩa phải ở trung. Đây tức trong phẩm đã nói. “Nếu không ...” là kết quy về hai nghĩa. Đạt ngang xuyên dọc đều dựa theo ba đế. Chọn bỏ trung không, ngài Kinh Khê nói: ý hỏi thể trung cần lập sao lại cần không, lấy trung phá chân, vì thể trung lý cùng cực, lại đem pháp nào mà không trung ư? Đáp. Ngài Kinh Khê nói: Trong ý đáp thì thể trung tánh không, sao cần dùng không. Chẳng đồng không giả nên sự còn có trệ ngại, đầy đủ như văn trước nói. “Vọng chấp...” là nói cho nên biết không trung cũng là chấp kể. Phá kể chấp hai lý đều không. “Lại nữa...” lại giải thích nêu bày. Nếu lại... giải thích trung đạo trước không cần nguyên do lại không. Chỉ nói tánh tự nó là không không lỗi vô cùng cho nên lại nói.

Vào văn nêu giải thích, phẩm Quán Chúng Sinh nói từ giả vào không quán, phân khoa. Ngài Kinh Khê nói: Văn có bốn: Lại gia thêm vô lượng và cùng tốt cội nguồn việc Thiên nữ tán hoa mà nói biệt hoặc, bèn biểu thị ba đế đều không. Hoa dính là lỗi không Tiểu thừa. sơ sở...” là tùy giải thích, chánh quán chúng sinh từ giả vào không, Văn-thù hỏi. Tịnh Danh đáp, có phân khoa. Tùy giải thích, ước như huyền... mười dụ quán chúng sinh thế đế, có hai: a+, đoán bày phân khoa. Ngài Kinh Khê nói: Tự có thể tánh... tức tánh chấp kể. Cho nên nói tánh không..., nếu thể nhập giả tức thật, thể giả giả danh cũng có thật pháp, cho nên không có giả thật mới thấy được thật thể đều là huyền có. Vì giả thật đều huyền. Nói tùy lý, là pháp tánh lý tức là không, vì giả tức không, nên nói tùy lý. Lại quán giả này là giả lập tên chúng sinh xem là quán cảnh, nên nói là quán chúng sinh. “Đây...” mười ví dụ, chính là quán thật pháp khiến thành pháp Không, nên nói là quán chúng sinh. “Đây...” là giải thích trung muốn dung bốn thứ sau đồng như huyền. Nên trước phải giải thích rõ về huyền. Kế dùng bốn thứ này y cứ vào năm thứ sau mà dụ năm

thứ sau. Tùy tình, là hỏi phẩm này tùy lý thông không, sao cần phải lập tùy tình năm dụ? Đáp: Đã chấp ấ là thật, tuy cũng biết giả, nhưng giả chưa tức chân. Cho nên lập tùy tình để giúp tùy lý. Đối huyễn mà phán quyết nên thuộc tích pháp. “Sơ ngôn ...” là tùy văn giải nghĩa, trong văn dụ như huyễn trước nêu dụ mà không biết... nghĩa là người bàng quan, kẻ do có hợp dụ pháp ở dưới. Bồ-tát dụ cho huyễn sư, vô minh dụ cho huyễn pháp, tự tha chúng sinh dụ cho huyễn vật làm người. Hoặc tức là phàm phu. Đây là dụ cho người bàng quan. Nay quán... là dụ tự biết là huyễn pháp “pháp huyễn hóa). Thế để chúng sinh, là tuy biết vốn “không” mà không hoại bỏ thế để. Ba giả rõ ràng như trước đã ghi.

Chín dụ khác, “như nước...” là giải thích, tùy lý. Bồ-tát tự biết..., ngài Kinh Khê nói: Thông tướng này không, chẳng quan hệ đến Nhị thừa. Tất cả đều phải nói Bồ-tát ấy chẳng phải trung này. Trung này lại lấy thể khác làm dụ. Cho nên lấy mặt trăng trên trời mà dụ cho vô minh. Nếu luận chánh ý là chính lấy lúc quán, đối với chỗ pháp tánh mà quán chúng sinh, tức thấy chúng sinh. Khắp ở pháp tánh cũng thấy pháp tánh toàn là chúng sinh. Cho nên trăng trong nước vốn tự không trăng. Nay với ý không trừ khiến tức ở chúng sinh mà thấy pháp tánh. Đây trở đi là ba dụ ý cũng chẳng đồng chỉ hơi nóng và ánh lửa hai thứ cũng hình như chẳng tức. Nay cũng ở hơi nóng mà quán ánh lửa, toàn hơi nóng là ánh lửa. Tám dụ của nhiếp Đại thừa cũng nương vào Lê-gia. Luận đã dụ khác, ý đồng với Phương đẳng, nhưng muốn thông viên thì đâu có cách ngại gì. Về danh nghĩa tám dụ như trước đã ghi. Giải thích tùy tình. Căn cứ đại thứ năm... năm dụ quán chúng sinh chân đế không có tánh nhất định. Ngài Kinh Khê nói: Tùy các dụ ấy nếu không, giả, trung giả danh rõ ràng, nên nói là không ngại. Như lông rùa... là tuy dụ lông sừng nhưng không đồng tam tạng, chỉ phá ngã nhân. Vả lại dụ về lông sừng, thật ra lông sừng cần đối huyễn để thấy không. “Vì không ...” nên trung không cũng không phải cảnh khác. Nếu không liễu là theo lời trôi đi. Mất ba đế không thì lấy gì mà hợp dụ. Không có đạo lý này là kinh có số nhất định. Đại thì chỉ có bốn, cho đến giới chỉ có mười tám. Nếu nói đại thứ năm, giới thứ mười chín thì như nói rùa có lông, hổ có sừng. Đây nhất định là không. Căn cứ như cõi Vô sắc... mà dụ chúng sinh trung đế, có hai: a, nêu chọn phi hữu phi vô. Phàm phu và Tiểu thừa cho là vô sắc, vô sắc nên phi hữu, Phật Bồ-tát thấy vô sắc là có sắc nên phi vô. Do đó sắc ở cõi Vô sắc có thể dụ cho trung đạo song phi hai biên. Mười bốn thí dụ sau lệ theo nói trên, có thể thấy. Không bằng như huyễn... là người huyễn và mặt trăng trong nước, tuy là giả dối nhưng



không ngại có sắc, có thể nhìn thấy được. Cho nên không giống với đại thứ năm... là rốt ráo không. Do đó phân cụ có chân tục. Nay mười lăm dụ đều khác hai thứ trước, nên thuộc trung đạo. “Như vô ...” là chánh giải thích, dụ Sắc ở cõi Vô sắc, chánh giải thích Xá-lợi Tỳ-đàm, đây cũng là tiểu tông, tự nói có sắc. Song ở tiểu tông trọn dùng vô sắc, vô sắc là đó. Mà để nói có sắc là chẳng hiểu nghĩa. Cho nên trong Bà-sa, thì Tỳ-bà-xà-bà-đề nói vô sắc có sắc. Như Dục-đa-đề-bà nói. Cõi Vô sắc không sắc nào là phải? Trong kinh Phật đáp có nói: Danh sắc duyên thức cũng phải có sắc. Lại các kinh khác nói: Tuổi thọ, sức ấm, thức ba thứ thường đuổi theo vô sắc. Đã có tuổi thọ và thức sao lại chẳng có sức ấm. Lại các Tỳ-kheo khác nói: Bốn ấm kia nói là thức có tới lui sinh tử, là không phải thế. Như từ Dục giới sinh Vô sắc giới, phải trải qua hai, bốn, sáu, tám vạn kiếp đoạn bỏ sắc, sau sinh Dục giới lại sinh sắc, khi nhập vô dư giới lại phải cùng hành tiếp nối. Muốn khiến không lỗi này nên nói cõi Vô sắc có sắc. Nói vô sắc đây là nương vào kinh nào. Đáp: Kinh nói giải thoát vắng lặng hơn sắc nhập vô sắc, cho nên biết vô sắc. Lại nói: Sắc lia dục, vô sắc thì lia tất cả để nhập Niết-bàn, cho nên biết vô sắc hai thứ này vì sao thông, cái nào hơn? Nói không là hơn, nói có làm sao thông? Đáp: Vì chưa liễu nghĩa. Hỏi: Dẫn kinh vì sao thông? Đáp: Cõi Dục thì có tên sắc, vô sắc thì không. Dục có ba pháp đuổi nhau, còn vô sắc thì không. Sắc tục luận, là bốn câu phân biệt là vô sắc nối sắc. Sắc nối vô sắc. Sắc nối sắc. Vô sắc nối vô sắc. Cho nên biết không lỗi. Nay do Tiểu thừa tự nói nghĩa có sắc để phù hợp với dụ nay, do đó mà dẫn. “Cho nên biết ...” là kết hiển khác, kết nghĩa khác trước. Trí giả thấy không... đây là người lợi căn ở không mà thấy trung, chẳng Không tức trung đạo. “Đại phẩm ...”, câu đầu là song phi hai biên. Có như thế tức trung đạo. Sự ấy không biết..., sự ấy tức là trung đạo. Không thấu đạt trung đạo nên gọi vô minh. Cho nên vô minh hoặc làm chướng trung đạo. “Lại trên...” là kết văn khác trước. Văn trước đã kết, đây lại lập chương. Biết là khác trước, cần dụ trung đạo. “Đây đều ...” là kết hiển thành trên. “Như tiêu ...” là giải thích mười bốn dụ kia, có hai: a, chánh giải thích các dụ như bẹ cây chuối, ngài Kinh Khê nói: Nếu dẫn Pháp Hoa không phải ý chuyên nay, chỉ căn cứ lúc Bồ-tát thông phương thuật ở tiểu tông, chưa có kiến này. Kế dẫn Đại kinh ý cũng đồng thế. Dùng ngầm ý mà chê bác, khiến phát thứ lớp ba quả. Dụ về đại ý cũng thế. Tiểu thừa cũng không có sinh tử ngoại giới. Tuy ở trong hội Đại thừa mà nghe thì cũng chưa thể tin do hiểu rõ. Bồ-tát Tạng, Thông còn chưa biết hết, vì giáo ấy ý nhập vô dư. Cho nên Bồ-tát được nhãn, đây

căn cứ Thông giáo mà nhập vô sinh. Như phiền não tập của Phật, chỉ là do ứng hóa Phật thị hiện có phiền não. Trong giáo Tiểu thừa cũng đã chỉ rõ. Cho nên chê Điều-đạt, trách Thân Tử. Chê Điều-đạt như trước đã ghi rõ. Đại luận nói: La-vân theo Phật đi kinh hành, Phật hỏi La-vân cái gì làm ốm gầy? La-vân đọc kệ đáp Phật rằng: Nếu người ăn dầu mỡ ắt được sức mạnh. Nếu người ăn tô lạc ắt được sắc đẹp. Nếu như ăn rau mè, tất không được mạnh đẹp. Bạch Đại đức Thế tôn ắt ngài đã tự biết. Phật hỏi ai là thượng tọa? La-vân đáp Hòa thượng Xá-lợi-phất. Phật nói Xá-lợi-phất ăn bất tịnh thực. Lúc đó Xá-lợi-phất nghe lời nói ấy liền nôn ra. Và thề rằng từ nay ta không nhận lời mời thọ trai nữa. Nay vì Phật chê nên có tướng sân. Ngài Kinh Khê nói: “Từ mù, là thấy sắc trở đi sự dụ có thể thông ở Tiểu thừa. Diệt độ thọ thân nghĩa cũng còn cách tiểu. Do đó mà hiện xuất không đồng. Dùng các dụ này phần nhiều ở Bồ-tát, nhưng cũng gồm Tiểu thừa mơ hồ muốn thấy. Vọng tượng cũng gọi là du tượng tức hình dáng không rõ ràng. Diệt định đến nhập xuất, là do tâm bay nhảy giao động ở bên trong mà bên ngoài dứt xuất nhập. Vì tâm tưởng đã diệt mất nên dứt mất không còn xuất nhập. Như ngài Thân Tử bị nữ... tức bị Thiên nữ biến hóa. Như người diệt độ thọ thân, ngài Kinh Khê nói: Đây đã là diễn môn lại ở Bồ-tát, nhưng vẫn gồm chê tiểu mà có lời này. Lửa vô nhân, tức từ nhân duyên không thể được, nên nói là không nhân. Lại từ nhân sinh ra nên nói là lửa. Nay lời chú của bốn kinh nói là lửa không khói do dần dần đối đặt ra vì lửa từ nhân làm ra chữ khói. Nên Triệu sư chú rằng: lửa tất phải có chất, nên biết chữ khói do người sau đối đổi. Ngài Kinh Khê nói: Từ trước nay các dụ hoặc nhân diễn môn hoặc dựa vào tiểu giáo. Vì dùng chung cả đại tiểu, bởi là do Phương đẳng các cơ xen tạp. Song các dụ này kinh văn một mực đều giống dụ không như sắc cõi Vô sắc, mầm thóc cháy cho đến lửa không nhân. Vì vô sắc nhất định là không sắc, thóc cháy nhất định là không nảy mầm. Văn sơ luôn hiển bày ý cũng có. Như dẫn Đại kinh nói Vô sắc giới có sắc và chế sữa vào lúa tiêu thì có thể mọc mầm. Cho đến gặp được củi tô dây dùi duyên nhau thì lửa sẽ có. Mới bày các dụ cũng có cũng không, xét kỹ văn sơ mỗi mỗi đều thấy rõ như thế. Dụ chúng sinh trung đế rõ như chỉ trong bàn tay. “Đây... ..” là kết bày giải thích nghi. Nói khởi vô lượng tâm mà lợi vật, gồm nêu ý phân khoa. Và tùy văn giải nghĩa, hỏi: Thì hữu vi... hữu vi là phần đoạn, vô vi là phương tiện tự thể quả báo, tức chúng sinh ba cõi, nên nói là ba thứ chúng sinh. Đáp, nêu ý phân khoa. Ngài Kinh Khê nói: Đáp về từ, tức là lợi vật ban vui xem là gốc. Nên biết vì nói pháp tức là lợi tha, tức nói lý ba đế đều



không, ban niềm vui rốt ráo, cứu hết khổ tột cùng. Trong từ có đầy đủ các tướng trí đoạn Thánh đức. Cho nên nói hành tướng giúp bốn đoạn minh ích. Tùy văn giải nghĩa, căn cứ vì nói pháp này tức chân trí đức từ tức Như Lai... do vô duyên từ, mà thừa đạo như thật, lai thành chánh giác, nên nói từ tức là Như Lai. Vô duyên từ không bị hai biên buộc trói, nên nói là từ tức giải thoát. Đã không bị hai biên trói buộc nên gọi là trung đạo. Cho nên Như Lai... là tên khác của từ. Bách cú giải thoát. Bách cú tuy nhiều nhưng không ngoài ba đế. Như văn Niết-bàn sơ của ngài Chương An lấy ba đế phân làm bách cú. Tức là ba đức. Ngài Kinh Khê nói: Vô duyên pháp thân, pháp duyên Bát-nhã, sinh duyên giải thoát, và ba đế đối ba đức như thường nghe nói. Pháp Hoa nói tuy chưa được... tuy dẫn chung nó chính là chưa được chứng vô lậu trung đạo. Thất tức giải thoát, y tức pháp thân, tòa ngồi tức Bát-nhã. Đại kinh nói trước nương... là trước nương, tức trước nương thập tín, hai là nương vào Trụ, Hạnh, ba là nương vào Thập hướng, bốn là nương vào Thập địa. Nương tức là bằng vào. Sau khi Phật diệt độ thì có thể nương vào bốn hạng người này mà được giải thoát, nên nói người ấy thuyết pháp cũng có thể tin nhận. Nay dẫn nương đầu chưa phá vô minh vì chứng có bệnh. Hay biết bí mật tạng của Như Lai. Bí tạng tức ba đức. Đây tức quán hành tướng tự quán ba đức. Cho nên nói là thường biết. Đây cùng việc vào thất, hoa dính y... nghĩa đồng cho nên việc vào, dính, ngồi, biết... đều ước năng quán ba quán. Thất, y, tòa ngồi, tạng... tức sở quán ba đức bí tạng. Từ chung tức thất..., từ riêng tức riêng. Mà thất chung... tức tàng, tức chung mà riêng, tạng tức thất... “Đây là...” là nêu kém để so với hơn. Tướng tự phần chân đồng gọi là có bệnh. Kém là tướng tự lợi sinh còn thế, hơn là phần chân hóa tha khá biết. Căn cứ đoạn đức. Ao thanh lương, thanh lương dụ này trích từ Đại kinh. Không cùng nội ngoại giới đến hợp, vì phiền não sinh tử tức Bồ-đề Niết-bàn. Cho nên tức sự là lý. Không sự có thể hợp “dụ” như tức sóng là nước không có sóng để hợp dụ nước. Nội ngoại tám gió, ngài Kinh Khê nói: Ngoại không có tám tướng, chỉ có trái và thuận chân trung không đồng. Cho nên cùng nội khác nhau. Ước Thánh đức, ngài Kinh Khê nói: “A-la-hán...” sáu câu bèn mượn đại tiểu nhân quả... các tên, tức viên từ thì đại tiểu nhân quả... tên nó có khác nhưng đồng nhập vào nghĩa từ vô duyên nhất thật. Cho nên cùng dùng giải thích vô duyên từ. Một tướng một vị, là mười giới chúng sinh đồng một tướng chân như. Bốn giáo khai hiển đồng nói pháp nhất thừa. Cho nên một tướng một vị tức là một địa sinh ra, một trận mưa mà thấm khắp. Đại phẩm... là dẫn bốn pháp kia đồng sáu câu nay.

Kia nói Bát-nhã, đây nói hành từ. Từ cùng Bát-nhã thể đồng mà tên khác. Tiêm sư nói: Đại phẩm quyển mười bốn nói: Nay Tu-Bồ-đề! Thế nào là Bát-nhã Ba-la-mật, là sự bất tư nghì cho nên khởi. Phật nói: nói về Phật pháp thì có Như Lai pháp tự nhiên nhân pháp và Nhất thiết trí nhân pháp. Nay Tu-bồ-đề Bát-nhã của chư Phật là sự bất tư nghì khởi lên. Ngài Kinh Khê nói: Người trí tức là Tu-bồ-đề và các Bồ-tát, La-hán, ba tên đồng nhau. Cho nên dẫn Đại phẩm bốn sự để chứng sáu câu. Căn cứ các hạnh. “Có sư nói ...”, ngài Kinh Khê nói: Là bác phá giải thích khác, đủ như văn trước. Nghĩa Bồ-đề đạo tràng pháp thí..., mỗi mỗi đều là độc đầu pháp môn. Chỉ mong muốn nường pháp tướng thứ lớp, vì trong một pháp mà gồm thâm tất cả. Cho nên tuy nhiếp tất cả, nhưng cần biến hành. Vì biến hành, cho nên lý cần khắp nêu. Nếu như thế, là có thể chỉ Đức Thích-ca một đời Phật pháp, và mười phương Phật pháp, hoặc y hoặc chánh ở trong tâm nhất niệm từ... Nay thí đến phương tiện là lược nêu bảy tên, há dùng thay xưa việc chuyên đối địa vị. Không trái tiếc, là không trái chúng sinh, không tiếc tiền của vậy. Số giải thích pháp thí đến con trí tuệ, nói không xan tiếc không xả, cho đến không trí không ngu, vì xan xả ngu trí đều từ tâm khởi. Đâu chỉ ở khởi pháp mà toàn hay khởi tâm, tâm tánh bất động, trung đạo sáng tỏ.

Bi, Văn-thù hỏi. Tịnh Danh đáp. Ngài Kinh Khê nói: Công đức lớn lao nhất há vượt qua khỏi Từ, lại đem Từ này mà khiến đoạn phiền não, nên nói là cùng chung. Phải biết rằng ở từ trước đã đủ cả bạt khổ (cứu khổ), mà lại nói Bi, là khiến biết tướng riêng, tức là đại Bi của nhà đại Từ. Sau là tâm Hỷ, Xả, đồng khác cũng thế. Hỷ, có hai: a, ngài Văn-thù hỏi. b, ngài Tịnh Danh đáp. Sau thì có hối tiếc, là quyền dùng tiểu pháp mà tế độ, không phải là bốn hoài của Phật. Sau phải bỏ quyền, nghĩa phải có hối tiếc. Cho nên dẫn Pháp Hoa để chứng thành nghĩa hối tiếc. Tâm hoài bảo... là hối tiếc ngày xưa không ân cần dạy dỗ, cho đến không dạy dỗ kẻ bỏ trốn. Giận con không biết ân nghĩa mà còn xa ta và theo kẻ khác. Trong hợp dụ Như Lai hối tiếc không còn ân cần khiến nhập tợ vị Viên giáo. Bèn khiến lui mất sự liễu giải. Giận kẻ vô tâm không hay siêng năng bền chí, luôn chạy theo mê mờ không phản tỉnh. Nên nói là hối hận “tiếc giận). Khi thời hạn giáo hóa sắp hết, không có người để truyền đại pháp. Khác nào người già không con nối dõi. Pháp bảo Đại thừa như người có nhiều tiền của.

Xả, có hai: a, Văn-thù hỏi. b, Tịnh Danh đáp. Tánh tướng thường trụ, tức có Phật khai ngộ cũng chẳng tăng, không Phật ở mê cũng không giảm. Không tăng không giảm, do đó mà thường trụ. Hỏi: Tánh tướng

có gì khác nhau. Vì xem tánh cũng như tướng. Như nước là tánh của sóng mà cũng là tướng sóng. Tất cả..., Đại kinh nói trong tất cả pháp trung đều có tánh an lạc, vì y chánh mười giới đều chỉ do tâm, vì đều là bốn cụ, đều là không trung, đều là khắp biến, chỉ là lý một không có đầu mối nào khác, đâu chỉ biết không cứu khổ không ban vui. Cũng có thể hiểu rõ loài vô tình thành Phật. Đại kinh nói thường hành Xả. Phải viết là tâm, chữ ấy là lầm. Kinh nói: phước hộ. Hộ là giúp. Chu dịch nói do trời giúp.

Lần ba phen lại tìm hiểu tận nguồn cội chúng sinh, là tùy giải thích, có hai: a”, bốn hoằng nguyện thành bốn Vô lượng tâm, nêu ý phân khoa: sáu phen tức là bốn hoằng thành bốn vô lượng vậy. Ngài Kinh Khê nói: Văn này cùng các văn kia có khác. Nếu chuẩn theo chỗ khác thì trong bốn vô lượng có thêm Hỷ Xả, nhưng chỉ cốt yếu nói từ bi mà thôi. Nếu không có Hỷ tâm thì ba đế không đầy đủ, còn nếu không có xả tâm thì bỏ các đế dễ sinh nhiễm. Cho nên biết tên nó tuy bốn nhưng chỉ thành hai thứ. Hai thứ này tức là bốn hoằng sử dụng. Tuy có pháp này nhưng nếu không thêm thệ nguyện thì từ bi không bền chắc, thì sao khiến tự tha đến được chỗ đó. Cho nên cần phải lập thệ, để chế phục Từ bi. Nay từ nghĩa này mà dùng bốn Vô lượng để đối với bốn hoằng. Pháp môn ly hợp không thể có một chuẩn nhất định. Tùy văn giải thích, hai phen thành Từ, thành tâm Từ ở trên, a, Hối: Ác duyên phá hoại ngăn trở. Đáp: Hoặc như sáu niệm, tức niệm Phật, pháp, tăng, giới, thí, thiên. Niệm đầu đến trừ lo sợ. Tiêm sư nói đây là văn Đại luận, văn đó nói tu mười tướng. Người sợ sệt nên khiến niệm Phật để trị lo sợ. Văn nay không chuyên dùng về niệm Phật, nên nói “hoặc như”. Ngài Kinh Khê nói: Hoặc như là không nhất định chuyên chỉ, nên nghĩa không phải nhất định. Tất cả cần phải tu niệm Phật Tam-muội, chánh duyên với ba thân công đức của Như Lai. Như sáu niệm, là lập pháp đối trị để tu sự quán. “Chưa xưng văn nay ...” là chánh giải thích. Từ đồng nữ, Tiêm sư nói: Như tâm luận có bảo rằng: Từ đồng nữ trưởng giả muốn theo bạn ra biển tìm châu báu. Đến xin mẹ đi. Mẹ bảo ta chỉ có mình con, sao lại bỏ ta mà đi. Mẹ sợ ra đi bèn ôm chân lại. Đồng nữ nắm tóc mẹ nhỏ lấy một nắm. Mẹ bèn buông ra cho đi. Khi đến châu thì thấy có vành sắt nóng từ trên không trung rơi xuống đầu, bèn phát thệ rằng nguyện các khổ của pháp giới đều tập hợp ở thân tôi. Do nguyện lực nên vành lửa rơi xuống. Do lòng từ nên khi chết rồi bèn sinh lên cõi trời thứ sáu. Do trái lời mẹ nhỏ tóc mà thành tâm địa ngục. Phát thệ chịu khổ thay tức thuộc Phật giới. Song do biết khổ nên không khổ. Thấy

chân tánh khổ mà thể chịu thay khổ, mới là Phật giới. Lại phán quyết công đức, có hai: a, hỏi. b, đáp. Đại kinh có nói... phát tâm là nhân, rồi ráo là quả. Nhân quả lý đồng, nên hai thứ không khác. Quả do nhân quyết định, cho nên tâm trước rất khó. Các văn dẫn đều dùng chữ phát tâm coi là sơ trụ. Nay chung cho trụ tiền. Mình chưa được độ, trước độ người, tức nay ở chỗ độ thoát tất cả chúng sinh. Một phen thành Bi, có hai: có hỏi và đáp. Ngài Kinh Khê nói: Khiến diệt trừ phiền não, là nếu tự có trói buộc thì hay cởi mở trói buộc của người khác, tức không có việc này. Nên trước phải khiến diệt trừ hết khổ nhân. Một phen thành Hỷ, hỏi và đáp. Ngài Kinh Khê nói: Phải hành chánh niệm... nếu không vô tác tứ niệm xứ quán thấy pháp tánh ấm giới của người khác, thì đâu thể khiến người khác lìa khổ được vui, mà sinh trung đạo Đệ nhất nghĩa Hỷ. Cho nên đạo đế vô thượng tức là pháp Hỷ trung đạo. Hai phen thành Xả, phân khoa. Và tùy giải thích, nêu chung chánh niệm, có hỏi và đáp. Ngài Kinh Khê nói: “Xả tâm tức chỉ cho lý quả. Lý quả nhất định khắp hai pháp Từ bi. Bất sinh bất diệt là đại Xả. Như hai đế là có sinh diệt ba tâm: Xả, yêu, ghét chỉ là trong ba tâm từ... mà lìa trung đạo có trái thuận... các cảnh. Dùng vô duyên tâm hạnh đối với các từ... là chẳng bị cảnh chuyển, nên nói là Xả. Phân biệt chánh niệm, Hỏi và Đáp: Ác pháp Không sinh là đoạn đức đã thành. Ác pháp tức là hai biên, hai biên ngăn trung tức là vô minh. Vô minh không sinh, nên thuộc đoạn đức. Thiện pháp Không diệt là trí đức hành. Thiện pháp Không diệt tức là trung trí phát sinh, nên nói là trí đức thành. “Nhị thừa ... công đức Như Lai”, là đại tiểu đối luận. Một là Thế đế, hai là chân đế. Phạm nói diệu lý là rõng sáng không sinh Không diệt, tức là căn cứ chân đế. Nếu dựa vào sự mà luận ác không sinh, thiện không diệt, tức căn cứ theo Thế đế. Nay vẫn dựa Chánh cần để nói: Chính là căn cứ sự nên thuộc thế đế. Nên nói đây là căn cứ Thế đế... Hỏi: ngài Kinh Khê xưa giải thích có nói: Thế đế không sinh Không diệt, để đối hiển trung hai đế, tức là thiện ác hai cảnh. Thế đế tức là bất sinh bất diệt trong Chân đế mà thôi. Cùng giải thích nay không đồng. Đáp: Lời khác mà nghĩa đồng. Nói hiển trung hai đế, tức là hai đế thuộc Viên giáo. Trung lý được quán vốn “không” sinh diệt. Tức là Chân đế thường khế hợp với trí đoạn. Trí cho nên thiện không diệt, đoạn nên ác chẳng sinh. Đây tức dựa vào sự mà gọi là Thế đế. Nên nói thiện ác hai cảnh. Lại nói Thế đế tức là không sinh Không diệt trong Chân đế. Vì dùng lý trung quán mà được trí đoạn, cho nên nói lời khác mà nghĩa đồng, là ở đây vậy. Chánh nói về nguồn cội tận cùng. Thành quán chúng sinh trước nhập không

đến trung đạo, nói thấy một chỗ trụ địa, Văn-thù hỏi văn đầu đến thấu hiểu nguồn gốc thông suốt lời tựa ý sáu phen là chỗ giá trị của bốn chánh cần là ngăn hai ác không sinh, giữ hai thiện không diệt. Không thấy hoặc đầu..., hoặc đầu tức là nguyên phẩm vô minh. Tức kinh nói vô trụ thì vô bốn. Cho nên nay nói không thấy chỗ sở y. Ngài Tịnh Danh đáp. Tiếp hỏi dục ái trụ địa, có hai: a, ngài Văn-thù hỏi. b, ngài Tịnh Danh đáp. Sắc ái trụ địa, có hai: Văn-thù hỏi. Và Tịnh Danh đáp. Ngài Kinh Khê nói: Hoặc nói lia tâm hiện sắc... chuẩn theo Bà sa nói ở Sắc giới sinh Vô sắc giới là lia sắc hiện tâm, từ Vô sắc giới sinh Sắc giới là lia tâm hiện sắc. Nay chính nói sắc là vô sắc là theo nhau mà đến. Cho nên hai giới qua lại đều do vọng chấp hai chỗ nhất định là thật. Nếu trụ ở Dục giới thì đều chấp sắc tâm. Không như hai giới chỗ chấp mạnh nhất. Như tham thông cả từ thượng giới đến hạ giới mà được tên. Vô sắc ái trụ địa, có hai: a, ngài Văn-thù hỏi. b, ngài Tịnh Danh đáp. Vô minh trụ địa, có hai: a, Văn-thù hỏi. b, Tịnh Danh đáp. A-lê-da, Hán dịch là Vô một (không mất). Vô minh từ vô thỉ đến nay chưa từng ẩn mất, cho nên Nhiếp Đại thừa... ngài Kinh Khê nói: Luận nói thức này từ vô thỉ tất cả pháp đều nương vào đó. Nguồn cội chân vọng, có hai: hỏi và đáp, chánh giải thích, hiện văn, giải thích vô trụ vô bốn, nói chân vọng thể đồng. Ngài Kinh Khê nói: “Thập trụ thấy có chung... là chỉ vì rốt sau nên được gọi là chung “cuối cùng). Do đoạn một phần nên thấy có một phần chung. Thật ra vô minh không thể nói là chung. Phật đoạn rốt sau tướng sau như tướng ban đầu, cho nên nói thấy có thủy. Thật ra vô minh không thể nói là thủy. Nếu nhất định có chung thủy thì sao gọi là vô trụ. Nếu chấp vô minh có thỉ chung, tức là cho pháp tánh có thỉ chung, vì toàn pháp tánh là vô minh, cho nên cũng toàn thể vô minh là pháp tánh, Hỏi: Nếu thế thì lỗi ở Đại kinh? Đáp: Không phải thế, vì có sự có lý. Nếu từ sự mà nói như thấy pháp tánh có thủy tức là thấy vô minh có chung. Phật thấy pháp tánh có chung nên gọi vô minh có thủy. Không thủy mà thủy nên gọi vô minh thủy, không chung mà chung, nên gọi pháp tánh chung. Nếu từ lý thì phải biết hai pháp đều thủy đều chung. Huống hai pháp này tự không, hai pháp đều không chung thủy. Nếu từ sự lý đối nhau mà nói thì từ lý nên tức, từ sự nên ly. Thỉ chung cũng thế. Dựa vào không phải sự lý mà luận sự lý, nên đối không có thỉ chung mà nói thỉ chung. Văn Đại kinh là kèm biệt mà luận Viên, theo sự đối nhau nên nói như thế. Kế là trong tận cùng nguồn cội chỉ ước năm trụ mà không nói là trần sa. Vì trần sa hoặc không chướng lý, bốn trụ thì chướng chân, vô minh chướng trung. Thế nên lại từ hai chướng biên mà nói. Huống là

vô minh vô tri chỉ thành ly hợp. Đây đủ như các văn khác đã rộng chọn dị đồng. Thế nên không thể lại dùng bốn trụ nương vào vô tri. Vô tri không phải chỗ nương nên không lập. Nếu nói vô tri nương vô minh, thì năng y lại mất. Nay muốn khiến ở bốn trụ mà thấy trung, cho nên nói vô minh toàn là bốn trụ. Pháp tánh ấy lại chỉ vô minh làm tâm. Cùng tận cội nguồn đã thế, thì tu quán chuẩn theo đó mà nói. Chỉ quán hiện trụ một niệm kiến tư dứt hết gốc vô minh. Rốt cùng pháp tánh, pháp tánh tức vô trụ, vô trụ tức vô minh, vô minh cũng vô trụ. Hoặc đoạn hoặc cùng tuy phân trước sau, song chỗ trụ vẫn không hợp không ly. “Nếu quán ...” là kết thành thông tướng. Giải thích vô trụ mà lập pháp, ước bốn lại nêu chung. Thế gian là hữu vi, xuất thế là vô vi. “Vì sao ...” là căn cứ mười giới nêu riêng. Nếu giải vô trụ... là đối sáu mê giới nên bốn giới kia gọi là giải. Song Nhị thừa giải không, Bồ-tát giải giả, Phật giới giải trung. Thuận ý bộ nên đều là xuất thế. Cho nên bốn giới Thánh pháp đều được tên giải. Rốt ráo mà luận thì giải chỉ có Phật giới, còn chín giới kia đều mê. “Nay dùng ...” là thông trước kết bày. Liệu giải, chọn lọc nghĩa chân vọng vô tử, Dừa thẳng vô minh mà chọn lọc vô tử, có hỏi và đáp. Đây có hai giải thì chỉ là bốn trụ đối vô minh. Đối nhau mà luận bốn trụ, thì có trụ có bốn, vô minh thì không trụ không bốn, tìm đọc văn tất hiểu. Lại đối pháp tánh mà chọn lọc vô tử, có hỏi và đáp, thông dung mà giải thích, nghĩa là căn cứ tức ly hai nghĩa mà giải thích. Văn dựa vào chân vọng hai thứ khác nhau, tánh vốn “không” phải hoặc, không thể nói pháp tánh là gốc phiền não. Pháp tánh là tịnh, phiền não động; pháp tánh chân, phiền não vọng, tánh chất khác nhau như nước với lửa, đâu lại nói nước là gốc lửa ư? Đây là căn cứ nghĩa ly mà nói. Đã có sự chân vọng trái nhau, cho nên pháp tánh không phải là gốc vô minh. “Nếu y ...” tức vọng là chân, tánh là gốc hoặc, vô minh không ngoài pháp tánh... vì vọng thể toàn chân, pháp động nguyên là tịnh, chân là gốc chân, tịnh là gốc tịnh. Tính chất vốn đồng mà nói pháp tánh tức là gốc vô minh, có gì là quái lạ ư? Đây là nói theo nghĩa tức. Đã sự lý thể một, nên được nói pháp tánh là gốc vô minh. Đồi có giếng lửa, đã ở trong giếng thì lửa sinh. Thế thì nước là gốc lửa vẫn phù hợp với dụ trước. “Nay kinh ...” là kết hiển ý kinh, căn cứ kinh hiển ý. Ý kinh lại từ nghĩa ly mà nói, nên vô minh không có gốc. Cho nên nói pháp tánh không phải phiền não... “Nếu nói ...” là căn cứ nghĩa phán quyết giáo mà nói. Tự trụ tức là ý Biệt giáo. Ngài Kinh Khê nói: Phiền não ấy nói pháp tánh thể khác, thế thì phiền não, pháp tánh là tự trụ đều gọi là tự. Cũng có thể nói lia ngoài phiền não riêng có pháp tánh, thì



pháp tánh là tha, cũng có thể pháp tánh là tự, vì lìa ngoài pháp tánh riêng có phiền não, thì phiền não là tha. Cho nên hai tự tha đều không phải nghĩa viên. Vì tánh của hoặc ấy nhất định là hay chướng. Phá chướng thì mới nhất định hay hiển lý. Nướng tha tức viên, lại cùng nhau mà nướng, cùng nhau mà tức vì thể đồng, nên nướng mà lại tức. Nên giáo Biệt Viên đều nói tự tha, do có thể dị đồng mà phán quyết thành hai giáo. Nay từ mỗi thứ mà nói biệt tự, viên tha. Hỏi: Trước theo nghĩa lý thì phải là Biệt giáo? Đáp: Biệt giáo một mực nói lý, cho nên sự lý rất khác. Trước nói tức lý thì đều là ở viên. Đã sự lý nhất như cho nên tức lý không hai. Chọn bỏ ba thứ nghĩa năm trụ, chọn biệt tiếp thông, gồm hỏi. và đáp. Nếu nói đến ngoại giới, thì nội ngoại sự riêng khác, hai thứ không tương quan, không đồng Biệt giáo. Cành lá phải nướng cây cho nên là biệt tiếp thông. Vì sao? Vì Thông giáo hẹn tâm chỉ đoạn nội giới. Sau sinh hiểu biệt mới biết có vô minh. Cho nên lại tiến đoạn đến nổi thành nội ngoại hai thứ khác nhau. Người sơ tâm Biệt giáo tức biết ba hoặc hẹn thứ lớp mà đoạn. Cho nên cho nhận và tiếp người khác nhau. Do ngoại giới lưu nhập nội giới, nghĩa là khởi hoặc thì từ tế đến thô vậy. Nay phải nêu trái ngược... nghĩa là đoạn hoặc thì phải từ thô đến tế. Đây đều là lúc tiếp mà giải thích. Chọn lọc Biệt giáo, chánh chọn lọc hoặc tướng năm trụ, có hỏi và đáp, nội giới kiến tứ là trụ mà không phải địa. Như cành lá nướng vào cây. Cây dụ cho vô minh ngoại giới. “Đoạn cành ...” là nói ngoại giới Biệt hoặc là Trụ, là Địa, giải thích bốn trụ địa. Đây nói bốn trụ không phải là bao nhiêu ngoại giới, chỉ ở vô minh trụ Địa thứ năm, lại tế phân biệt mà thôi. Vô minh đã được gọi là đồng thể với kiến tứ, đâu ngại gì luận là đồng thể với bốn trụ. Vì bốn trụ tức là tên khác của kiến tứ. Đây là kiến nhân vô minh... Ngài Kinh Khê nói: “Kiến là năng trụ, vô minh là địa. Đây là y theo Biệt giáo nên nói như thế. Nội giới bốn trụ như thường được nghe nói. “Bốn thứ này ...” là hiển vô minh trụ địa. Gồm chọn có trụ không, có hai: a, hỏi. b, đáp. Trong đây khai. Hợp cần đối nghĩa viên mà giải thích. Nghĩa hợp chỉ có Viên, nghĩa khai chỉ có Biệt. Song Viên cũng đủ cả khai Không phải hoàn toàn khác, cho nên cùng biệt khác nhau. Biệt chỉ đủ nghĩa khai, trọn không có nghĩa hợp. Các văn nói biệt hoặc nói pháp tánh cùng vô minh hợp nhau. Hợp này lại khai. Nay văn nói hợp tức là tên khác mà thôi. “Nếu khai ...” là chánh bày nghĩa Biệt. Pháp tánh là sở che, vô minh là năng che, hay và bị (năng sở) hai thứ khác nhau nên nói là khai xuất. Mà căn cứ vô minh... tức là căn cứ vô minh mà triển khai. Chọn lọc Viên giáo, chánh nói năm trụ. Vì năm trụ của

viên chỉ mê pháp tánh mà khởi. Nhập Niết-bàn sinh ra bốn trụ. Tức là bốn trụ đồng thể ngoại giới. “ Nay viên ... ” là kết bày thành hai dụ trên, dụ thế gian nội ngoại. Khói bụi nhẹ như năm trụ ngoại giới, mây sương nặng năm trụ nội giới. Cũng có thể một mực dùng khói... mà đối bốn thứ khổ tập. Song không phải là ý văn. Nay chánh là dụ hoặc nặng nhẹ mà thôi. Lại có thể nội ngoại giới mỗi thứ đều phân nặng nhẹ. Vì bốn giáo nói hoặc thì có tức và không tức, thế nên khói nhẹ mà bụi nặng là Biệt Viên. Sương mù nhẹ, mây nặng là Thông Tạng. Dụ xuất thế nội ngoại, tức lửa... các dụ trí bốn giáo, cũng có thể một mực dụ cho bốn thứ đạo diệt. Ý văn lại dụ cho trí mà thôi. Nên nói ... ” là kết chung. Vì bốn thứ trí hoặc đều nương pháp tánh. Mà có mê pháp tánh nên có hoặc nội ngoại, còn ngộ pháp tánh thì có trí bốn giáo. Nói gốc không trụ, tức là pháp tánh vậy. Lập tất cả pháp tức là bốn thứ hoặc trí, cũng là bốn thứ tứ đế. Vô trụ tức bốn danh của vô trụ bốn. Chọn hiểu ý dụ, chọn dụ hư không, hỏi: Đã lấy hư không dụ cho pháp tánh. Mà pháp tánh sở dụ có hai thứ khác nhau, thì hư không nặng dụ cũng phải như thế chăng? Đáp: Trước đã chê chung không còn chẳng hai, thái hư không hình trạng còn không phải là một pháp, há được phân hai. “Nếu ước...” là một mực thuận đáp không của nặng dụ cũng phân hai. Biệt duyên dứt hết... nghĩa là duyên mờ tối của mây sương dứt hết, khi tướng hư không hiển rõ thì hoặc thấy muôn vật hoặc chỉ thấy không. Có thể dụ đản và không đản hai thứ chân lý. Phá nghĩa hư không. Như trong Đại kinh ở phẩm Ca-diếp, mười phen phá ngoại đạo chấp nghĩa hư không. Ngoại chấp có thể phá có thể dụ đản không, hiển bày chánh nghĩa hư không của Phật nói. Có thể dụ không chẳng thể được, tức là bất đản không. Lại nữa ... ” là tuy vừa phân phối nay lại chê bác. Vì phạm lập dụ đều một mực lấy cùng loại không nên cầu hoàn bị. Cũng như ở Tuyết sơn dụ voi không thể tìm có cả đuôi và ngà. Trăng tròn dụ cho mặt ai lại trách về mày mắt. Vì không dụ tánh thì sự cũng thế. Đâu được hỏi đản và bất đản khác nhau ư? Chọn khói... các dụ, có hỏi và đáp. Thiên nữ rải hoa, “văn...” là tùy văn giải nghĩa, Nói hai giải thoát hoặc hết không đồng, có bốn: a, Thiên nữ nghe pháp hiện thân Quan Hà giải thích, tức là các sư ở Quan trung Hà tây, nghĩa là các ngài La-thập, Triệu sư... Nói trạch thần, thì ngài La-thập nói: Không phải trên không chẳng có thần, nhưng tùy chủ nhà hơn kém nên thần có tinh hay thô. Chưa từng có thất nên dùng Đại sĩ làm thần. Đạo Sinh nói: Ngoại quốc cũng dùng thần làm trời. Phạm nhà có phước thì có phước thần phù trợ. Cho nên Bồ-tát gá làm, ấy là việc nhập sinh tử. Ngài Tăng Triệu nói Thiên nữ tức là pháp

thân của Đại sĩ, thường cùng ngài Tịnh Danh hoằng truyền đạo Đại thừa bất tư nghi, cho nên hiện làm trạch thân, đồng ở một thất thấy Đại sĩ tập hội được nghe thuyết pháp nên hiện thân tán hoa để luận bàn. Cho nên giải thích của Quan Hà sư nay cũng lấy, vì có quan hệ chỗ biểu hiện và nghĩa thị hiện của ngài Tịnh Danh nên chỉ dẫn phân giải về trạch thân mà thôi. Ấn danh Như Lai tàng... ngài Kinh Khê nói: Nay đã hiện thân không gọi là ẩn. Song khi chưa hiện thì lý cũng không phải ẩn. Nay từ sự mà giải thích lập tên ẩn hiển cho nên biết sự là hiển. Từ trước nay tùy cơ mà nói lý vốn vô sinh, không phải nay mới hiển. Lại lời vừa giải là dựa vào sự không phải không có nghĩa này. Nếu muốn nói lại lấy sự biểu thị lý, tức là nghĩa lý sự cùng nói. Nếu đơn cử sự lý thì hóa tích không thành. Ở chân không tánh tịnh mà hiện hình Thiên nữ. Đây là nói ngài Tịnh Danh hóa làm Thiên nữ. Tán hoa cúng dường, không phải là hoa do cây sinh... Tiêm sư nói: Kinh Đại phẩm Tán Hoa thứ tám nói: Lúc bấy giờ, Thích Đề-hoàn Nhân... các trời nghĩ rằng: Ngài Tuệ mạng Tu-bồ-đề đã mưa pháp vũ. Bọn chúng ta cũng nên hóa ra hoa để tán Phật Bồ-tát, các Tỳ-kheo tăng, ngài Tu-bồ-đề và hội Bát-nhã. Lúc đó cả đại thiên thế giới hoa đều đầy khắp hư không, hóa thành đài hoa trang nghiêm rực rỡ khác thường. Ngài Tu-bồ-đề nghĩ rằng đây là các Thiên tử tán hoa từ trên trời cao, các hoa ấy chưa từng thấy. Hoa ấy là do hóa ra không phải cây sinh. Các hoa chư Thiên rải cúng dường là do cây tâm sinh ra, không phải do cây sinh. Đại luận quyển năm mươi lăm giải thích rằng: Thích Đề-hoàn Nhân biết ngài Tu-bồ-đề biết đó là hóa hoa, nên nói: Bạch Đại đức, hoa ấy không phải là sinh hoa. Không phải sinh hoa tức nói hoa ấy do trời sinh, ở trên không chẳng có chỗ sinh. Bạch ngài Tu-bồ-đề, đó là Bát-nhã Ba-la-mật, các pháp vô sinh Không tịch, nên lấy hoa vô sinh mà cúng dường. Lại cây ý “tâm) là tùy ý muốn nghĩ đến liền đến, nên nói là cây ý. Thích Đề-hoàn Nhân hỏi ngài Tu-bồ-đề rằng hoa ấy không sinh vì sao lại nói hoa không từ cây sinh? Ngài Tu-bồ-đề hỏi lại: Nếu không sinh, vì sao lại không có tên hoa. Trong pháp chẳng sinh, không có phân biệt. Do đó mà gọi hoa ấy không phải hoa. Thích Đề-hoàn Nhân tâm phục mà hỏi: Chỉ là hoa vô sinh, nên các pháp cũng vô sinh? Ngài Tu-bồ-đề đáp: Không phải chỉ hoa ấy chẳng sinh mà sắc cũng chẳng sinh. Bởi vì sao, nếu một pháp Không thì tất cả pháp đều không. Nay vẫn giữ ý lược dẫn mà thôi. Ngài Kinh Khê nói: Các Thiên tử nói từ cây tâm sinh. Ngài Tu-bồ-đề nói không từ cây tâm sinh, tức là biểu thị không phải thế tục sinh, mà đều từ tâm sinh. Nhưng chỗ chấp có khác, đều nương vào lý sinh mà không phải sinh. Hoa đến

Bồ-tát đều rơi. Hoa đến các đại đệ tử đều dính, có hai: a, phân khoa. b, tùy giải thích, hoa đến liền dính. Như trong Đại luận... tức văn Đại luận quyển mười chín. Tức nói rằng... tức lời ngài Ca-diếp đáp lời Thiên Man. Nên luận nói Bồ-tát Thiên Man hỏi ngài Ca-diếp: Ngài tuổi rất cao tu hạnh Đầu-đà bậc nhất, nay vì sao không thể chế tâm để tự an? Đáp rằng: Ta ở giữa nhân thiên có dục tâm không còn khuấy động nữa, Bồ-tát ấy có báo thính vô lượng công đức, lại dùng trí tuệ biến hóa tạo ra tiếng, nên không thể nhìn được. Như gió tám phương không thể lay động núi Tu-di, nhưng gió Lam đến thì nghiêng nát như cỏ mục. Đây là Bồ-tát Tinh Diệu Ngũ Dục... Ngài Kinh Khê nói: “Đây là nói ngài Ca-diếp từng nghe Phương đẳng sự bất tư nghì. Sự này luôn luôn cùng hợp với lý. Dùng Thần lực không thể phủi rớt hoa, chỉ hoặc nêu ý, chánh nêu. Liệu giản, chọn biệt hoặc gọi là tập khí. Nói là tập khí, song tập khí có hai: Thông hoặc tập khí, như ngài Thân Tử có nhiều sân..., Biệt hoặc tập khí, tức là vô minh. Cho nên nay nói đối Ma-ha-diễn nói là chánh sử. Nay ở Phương đẳng cũng gồm lấy hai tập này. Trở đi là liệu giản.

Chọn Biệt hoặc gọi là bốn trụ, có hai: hỏi và đáp, nói Thông hoặc có bốn trụ. Nói Biệt hoặc hữu vô, nói Biệt tiếp Thông chỉ gọi vô minh. b', nói Biệt giáo vô minh gọi là bốn trụ, cũng được phân làm ba trụ, là ở biến dịch mà y chánh năm trần, sinh ở dục tham tức dục ái trụ địa biến dịch sắc tâm là hư vọng phân biệt, tức sắc ái trụ địa. Quên sắc quán tâm cũng còn thấy có tâm, tức điên đảo tưởng là hữu ái trụ địa. “Nay nói...” là nêu văn chánh giải thích. Ngài Kinh Khê nói: Dùng biết thần lực... là không được thần lực ngoại giới giải thoát. Ngoại giới chứng lý khó nghĩ bàn mới có thần thông cao quý. Trời hỏi ý phủi hoa. Thân Tử đáp ý. Thiên nữ chê trách, có hai: a, phân khoa. b, tùy giải thích, chánh chê trách. Ngài Kinh Khê nói: Không phải là hoa thế gian có thể nghĩ bàn, tức là dùng nội giới làm khó thể nghĩ bàn. Người Tiểu thừa há biết ngoại giới lại có diệu dục. Lại dùng tâm như pháp... sự thì đại Tiểu thừa đều tán hoa, lý thì khắp cả pháp giới. Đó gọi là như pháp, gọi là đại bình đẳng. Giải thích nêu đặc thất. Tâm không phân biệt mà cảm. Quán sinh tử Niết-bàn không hai, không khác gọi là tâm không phân biệt. Do quán tâm được nhập phần chân mà cảm được hoa này. Phân biệt tức là kiến hoặc Biệt giáo. Vì không đoạn biệt hoặc nên hoa dính thân. Ngài tự có nhiệm đầu phải lỗi ta. Thế nên chê trách rằng: Nhân giả tự sinh tưởng phân biệt. Phân biệt tức là nhiễm trước. Kinh Thí Dụ: Ví như lúc người sợ thì hàng phi nhân được dịp. Ngài La-thập nói: Như một La-sát biến

hình làm ngựa, có một sĩ phu cỡi lên không nghi ngờ gì. Giữa đường ngựa hỏi sĩ phu ngựa có tốt chăng? Sĩ phu rút đao đưa ra hỏi: Đao này có tốt chăng? La-sát biết lòng ông ta nghiêm chánh không sợ nên cuối cùng chẳng dám hại. Nếu không được thế thì phi nhân sẽ được dịp phá hoại. Đạo Sinh nói lúc sợ sệt thì tình ý yếu đuối cho nên được dịp.

Tà kết. Cũng nói có riêng đến tập khí. Nội giới tập khí là nương vào biệt kiến tư, như cành lá nương vào cây. Như trước dẫn trí luận, tức trước nói ở kinh Thanh Văn gọi là tập khí... nếu ước Thông giáo đến tập khí, đây là nói nội giới tập khí. Như ngài Ca-diếp, nghĩa là nghe đàn liền đứng dậy múa. Như ngài Thân Tử nổi sân tất lăng khinh mạn... cho nên có người nói: Ngài Ca-diếp xưa là tập khí người nhạc sĩ nên đứng lên múa. Chưa thể mất hết bởi có ý này. Cho nên biết ngài Thiên Man chê trách ngài Ca-diếp phải gồm hai ý. Nếu lấy Thông mà chê tạng thì chỉ lấy nội giới để nêu việc đứng dậy múa. Nếu lấy Biệt Viên mà trách Tạng, Thông, thì cần lấy vô minh làm tập khí. Vì chưa phá vô minh nên bị thình trắn ngoại giới khuấy động, không liên quan gì đến người nhạc sĩ. Vì Đại luận đã dẫn đến Đại Thọ Khẩn-na Vương kinh thuộc Phương đẳng. Cho nên kết sử có hai thứ, nghĩa là kết tập chánh sử nội giới ngoại giới đều có. Cùng đoạn là nội giới. Song có Thanh văn chỉ đoạn chánh sử khác với Duyên giác diệt tập. Không cùng đoạn, tức là vô minh biệt hoặc gọi là kiết sử. Cùng là Ca-diếp đã đoạn... đây là lấy Biệt Viên mà trách tiểu, để giải thích ngài Ca-diếp do chưa đoạn vô minh nên đứng lên múa. “Nay kinh này ...” là tán hoa và nghe tiếng đàn cùng loại, kia là thình trắn, đây là xúc trắn, chỉ do kinh không dựa vào văn, là nói không nhất định kết tập là cùng hay chẳng cùng “cộng, bất cộng). “Nay Phương đẳng...” là Đại sư chuẩn theo bộ kinh này, ý muốn gồm cả thông tập. Nên nói cũng đối phương tiện.... Nói hai giải thoát khác thể, có hai: phân khoa và tùy giải thích, Thân Tử dựa vào sự mà hỏi, Thiên nữ dùng lý đáp, có năm: a’, Thân Tử dựa vào sự hỏi. Ngài Kinh Khê nói: Thân Tử là đầu mối khởi giáo. Giáo do đây mà rộng mở nên gọi là đầu mối. Vì các Thanh văn làm đầu sinh tô. Văn dưới Thiên nữ trách là đó. b’. Thiên nữ dùng lý đáp. Tuổi già, Nhĩ Nhã nói kỳ, diệt, ngài đều là già cả. Thiên nữ cho ngài Thân Tử là người già nên gọi là trưởng lão. Thân Tử tâm mê hỏi lại. Thiên nữ lại dùng lý mà đáp. Thân Tử ngộ mà ngấm hiểu. Thiên nữ dùng sự để hỏi. Thân Tử dùng lý đáp, có hai: a, phân khoa. b, tùy giải thích, có năm: a, Thiên nữ dùng sự hỏi. Thân Tử dùng lý đáp A Thuyết Thị là Át-bệ. Nói ba đến như trước đã ghi. Thiên nữ luận giải thoát bất tư nghì. Triệu sư nói ngài Thân Tử dùng lời nói

lâu là lỗi nên lặng yên không nói. Nghĩa là thuận chân giải chưa hay nói năng và im lặng ngang nhau cho đến gặp vật vô ngại. Cho nên Thiên nữ nói... mà giải thích cho hiểu ý mình. Nhị thừa đến bỏ Niết-bàn, ngài Kinh Khê nói: Nói văn tự chưa ắt hoàn toàn là chỉ giáo pháp văn tự. Nói chung ở thế gian, tất cả danh ngôn đều gọi là văn tự. Tiểu thừa thì chỉ pháp nội giới. Dầu có chỉ giáo tướng thì cũng không phải là chỗ chứng. Nếu không phải chỗ chứng, thì còn thuộc sinh tử. Cho nên ở trong đó không được tự tại. Giải thích. Ngài Kinh Khê nói: Sở dĩ đến lưỡng gian... là vẫn còn hai giải thích: trước nêu giải thoát văn tự, đều không có nội ngoại, chánh chỉ văn tự và giải thoát. b, đều không được. Do đó trước phá giải thoát là sợ người không hiểu mà chấp tướng giải thoát. Kế giải thích, c người cho là ở ngoài văn tự, nên chỉ văn tự là giải thoát. Nói tức khác nghĩ bàn, tức hình trước vẫn giải thích chung với Thông giáo. Cho nên trong giải thích lại nói biệt. Kết hiểu. Ngài Kinh Khê nói: Sao chỉ văn tự là giải thoát, là vẫn e chỉ nói giáo pháp văn tự, cho nên chỉ hai mươi lăm hữu tất cả nhân quả đều là văn tự. Những văn tự này đều là giải thoát. Thân Tử lại phán quyết. Thiên nữ chê trách, có hai: a, phân khoa. b, tùy giải thích, Thân Tử lại phán quyết. Thiên nữ chê trách, nêu căn lược giải thích. Hai thứ căn duyên. Nếu ước lấy Viên mà chê Tạng, thì lợi căn tức người Viên, độn căn tức người Tạng. Nếu dựa theo đại mà chê tiểu sát tức người Thông. Nếu bốn giáo cách biệt thì ba giáo trước đều độn, đều nói lìa dâm nô si là giải thoát. Nếu như thế sao được lấy thông mà chê Tạng. Vì Thông giáo thể của hoặc tức không, nên cũng được gọi là tánh dâm nô si tức là giải thoát. Tánh pháp Không đủ, trọn trở về hôn đoạn. So với Viên mà thành ly nên khiến ba giáo gọi chung là độn căn. Lập câu hỏi nói rộng, có hai: a, căn cứ Tiểu thừa lập nghĩa mà hỏi. Chưa được bốn quả cho là được bốn quả, chưa chứng Niết-bàn cho là đã chứng Niết-bàn, tức lấy bốn thiền làm bốn quả Niết-bàn. Được sơ thiền gọi là sơ quả, cho đến được bốn thiền gọi là bốn quả. Đây là trong Tiểu thừa nói là tăng thượng mạn. Căn cứ đại tiểu phân biệt mà đáp, có hai: trước nói Nhị thừa là thượng mạn, nói tiểu không phải thượng mạn. Chưa vào đạo phương tiện..., tức là được bốn thiền, nhầm chấp là bốn quả. “Nay chấp...” ở đại là thượng mạn, nói kinh nay dùng tiểu lạm đại, nên bị chê trách. Ngài Kinh Khê nói: Hai giải thích trong đây: Là chấp tình lạm đại đều là chưa được mà gọi được. “Viên giáo...” lại từ lý mà nói. Lý vốn “không” đoạn, xứng cơ gọi là thoát. Thế thì viên thừa mà làm bất đoạn. Bỏ từ chấp thì Tiểu thừa kia sẽ hợp đoạn. Do đây mà tự bảo thành tăng thượng mạn. Giải thích trước là đại



tiểu đối nhau, giải thích sau là thiên viên đối nhau. Văn có hai: lấy tiểu lạm bàn đại, nói lạm đại thành mạn. Ngài Kinh Khê nói: Hai chỗ có khác. Pháp Hoa chọn chúng và trong Tiểu thừa lạm gọi là đồng chỗ được của chư Phật. Như Pháp Hoa nói chúng ta đồng nhập pháp tánh. Cho đến sáu vị đại La-hán ở thế gian, ba người đồng ngồi đáng giải thoát, ba người đồng nhập đạo không nói năng. Cho nên khi chưa chuyển thì đều cho rằng Phật và mình đồng nhau... “ TỰU KỲ ... ” là nói ở tiểu thì sai. Giải thoát tri kiến, là ở trong năm phần mà được giải thoát tri kiến, thì năng chiếu liễu chỗ chứng cạn sâu. Cho nên biết Tiểu Thánh đối với đương giáo ắt không có thượng mạn. “ Viên giáo ... ” là lấy thiên mà lạm bàn viên. Tám tà, trái ngược với tám chánh nên gọi là tà. Nói đối Pháp Hoa biết là tiểu khác đại, nên không phải thượng mạn. Ngài Kinh Khê nói: Đối Pháp Hoa... là giải thích nêu mạn có khác. Chuẩn theo ý của Thiên nữ vừa nói để trong vào Pháp Hoa. Sao chỉ đối tiểu không phải là tăng thượng mạn, mà đối đại cũng là không phải. Nếu đến Pháp Hoa cùng Thiên nữ ngang nhau. Phải biết ở Pháp Hoa người mới bắt đầu đi thì đối Tiểu thừa đều thành thượng mạn. Phật tuy khiến ý phải đợi lúc sau. Nói Bồ-tát không phải thượng mạn. Không có các lỗi này, là không phải lỗi Nhị thừa chấp quả trụ chân mà làm được. Đây tức là Bồ-tát Viên giáo mà thôi. Bồ-tát thiên giáo chưa tránh khỏi các lỗi. Vì đều cho là thật, cho nên lia cùng chẳng lia đến đều đồng nhau, vì Tiểu thừa chấp ly “lia) nên lấy nghĩa tức mà chê trách. Nên nói ba cõi tức là giải thoát. Thật ra pháp viên chẳng tức cũng chẳng ly. Vì chẳng tức nên dâm nộ cần phải lia “ly). Vì không ly nên nói là giải thoát. Vì lý phải nên tức sự quấy, cho nên ly “lia). Cho nên ly và bất ly đều quấy, hàng Nhị thừa Không thể biết được. Trước nói văn tự giải thoát ý cũng thế. Không phải chỉ nội giới đến tướng giải thoát, là vì ba thứ dâm nộ si và văn tự giải thoát vừa nói đều chung cả ngoại giới, vì người viên hiểu rõ ba hoặc bốn giáo vốn là một tâm. Cho nên đoạn cùng chẳng đoạn, thì ước sự là có đoạn, ước lý là chẳng đoạn. Cho nên nay nói tánh dâm nộ si mà không nói là sự. Vì sự tức lý, cho nên đoạn tức chẳng đoạn, lý tức sự nên chẳng đoạn mà đoạn. Việc lỗi ý là lầm chấp kinh văn, bèn lấy dâm dục làm đạo, không làm theo ý kinh, sự lý cũng thế. Ngài Thân Tử khen ngợi, có hai: phân khoa. Và tùy giải thích, Thân Tử khen ngợi. Thiên nữ đáp, có hai: phân khoa. Và tùy giải thích, Là nói hai giải thoát sức không giống nhau. Tùy văn giải thích, có hai: a+, hỏi: Ngài Kinh Khê nói: Hoặc căn cứ tam tạng đến Thông giáo, vì hai giáo đều có ba thừa. Nói phần nhiều căn cứ Thông giáo. Vì người Thanh văn ở trong

Phương đăng nghe thông mà chấp pháp ba thừa, cho nên hỏi. Đáp, có hai: phân khoa nêu ý. và giải thích, Hóa tha. Tiêm sư nói: Nay thì Biệt Viên tiếp Thông. Đây là nói Thiên nữ từ địa pháp thân của Biệt Viên mà khởi ứng tiếp dẫn người căn tánh ba thừa của Thông giáo. Tự hành, có hai: nêu ý phân khoa. Và tùy văn giải nghĩa, chánh hiển Phật thừa, chánh giải thích Chiêm-bạc-nhã. Chánh nói là Chiêm-bạc-ca, Đại luận dịch là cây hoa vàng, cây ấy rất cao lớn hoa có mùi thơm bay xa. Tự hành học đạo, ngài Kinh Khê nói: Tự hành không thể lại học quyền thừa, từng phần được pháp thân vẫn cần phải tiến đạo. Cho nên Pháp Hoa... là lấy người nhập viên mà hiển thành nghĩa này. Liệu giản, nói Bồ-tát Tạng, Thông nhiếp thuộc Đại thừa, có hai: a', hỏi. b', đáp. Ngài Kinh Khê nói: Chỉ vì đại Bi... người khác giải thích cây Đại thừa chỉ ngang đây. Nói tam thừa, nhất thừa đều có tự tha, có hai: hỏi và đáp. Nói tự tha của nhất thừa khác hẳn tam thừa, Dẫn việc Thích Phạm làm chứng. Nói ở trong thất lâu mau, gồm nêu bày. “có nói ...” là chê xưa. Ngài Kinh Khê nói: Gởi mình mười hai năm tại thất... là chỉ chê lúc đó, đối nay nào có hiểm gì. Chỉ e người nay nghe mà không nhận, hưởng là ngày xưa ở trước Phương đăng. Trước đây, tức trước thời Phương đăng. Cho nên biết chê trách cũng ở trước mười hai năm, thế nên được đồng nghĩa với Phương đăng. Trong đây chính là phá giải thích của sư xưa. “Nay nói ...” là giải thích nay, có hai: dẫn trước nêu chung. Và nói mười ...” là nêu văn rộng giải thích, chánh giải thích đó là biểu thị cho mười hai nhân duyên. Nhân duyên bất tư nghì tức chỗ chứng của Thiên nữ. Không lâu mau mà lâu mau, ngài Kinh Khê nói: Từ vô thủy đã lâu, đến nay là mau (mới). Giải thoát cũng thế. Pháp tánh vốn có tên là lâu. Mới bắt đầu tu được gọi là mau (mới). Cho nên biết ba đạo ba giải thoát đều không phải lâu mau (mới cũ) mà luận lâu mau. Cho nên lấy việc ở tại thất mà biểu thị. Trong đây dựa theo sự mà luận tu tánh. Liệu giản. Há biết căn bản vô minh. Nếu quán ba đạo tức là ba giải thoát. Cho nên biết ba giải thoát cũng là chướng vô minh. Vì chướng ba giải thoát tức là căn bản vô minh vậy. Tức tất cả văn tự, là thông cả nội ngoại giới. Trước không nghe nói tức xưa cũng đều thế. Nghĩa là từ xưa đến sau này không nghe nói tiểu pháp. Ngài Kinh Khê nói: Ý từ xưa đều nương vào Đốn giáo mà phát tâm nên nói xưa không nghe.... Nói thất có việc chưa từng có, có hai: phân khoa và tùy giải thích, Nêu bày. Luận tướng, Tùy văn chánh giải thích:

1. Ánh sáng luôn chiếu.
2. Vào đó không dơ bẩn “vô cấu). Ngài Kinh Khê nói: Như nội

ngoại giới nếu phạm trọng tội... nặng thì hay chướng xa. Lý nội ngoại giới.

3. Phạm Thánh cùng đến hội. Ngài Kinh Khê nói: Đại kinh nói: Người đến hội không dứt nghĩa giống sâu dần.

4. Thường nói lục độ. Bốn thứ không lui sụt, nghĩa là bốn giáo đều có vị, hạnh, niệm ba thứ không lui sụt. Nếu niệm ...” là ước biệt mà nói niệm bất thoái, tức là phần chân của Viên giáo.

5. Đàn ca nói pháp.

6. Bốn tạng đều khắp cứu. Tức là nói ra bốn giáo, ước lý là tạng. Bốn giáo nói dị đồng ở một niệm, cũng là quán mười hai nhân duyên... là ước hạnh làm tạng.

7. Nghĩ Phật thì Phật đến.

8. Các tịnh độ đều hiện. Đại kinh nói không tăng giảm, nghĩa là nước biển không tăng giảm.

“Đây chưa...” là kết dị hiển đồng. Kết chệ. Nói pháp môn bất tư nghì chuyển hóa tự tại, nêu ý phân khoa. A-bệ-bạt-trí, Hán dịch là bất thoái (không lui sụt). Nghĩa chuyển, bất chuyển tức là thoái chuyển và bất thoái chuyển. “Phật nói ...”, ngài Kinh Khê nói: “Ý Phật đáp: Hai giáo trước không chuyển thì mới được gọi là bất thoái. Hai giáo sau vì được lý nên từ lý làm tên. Lý tánh vốn “không” chuyển cùng chẳng chuyển. Chuyển là nghĩa thoái, nên bất thoái. Cho nên nói đều gọi là Bạt-trí. Tùy văn giải thích, hỏi. Đây đủ có năm việc, trích ở Đại luận. Nghĩa là tăng kỳ thứ hai lia năm sự, được năm công đức, được túc mạng lia hỷ quên được các căn đầy đủ, lia thân hèn được sinh vào nhà giàu sang, lia bỏ hạ tiện bản cùng được thân nhân thiên, lia bỏ ba ác đạo được thân nam, lia thân nữ. Trong đây nêu ba điều được, hai điều lia, thành năm sự. Đáp, nghĩa hội đồng trên, nêu chương bày chung. “một chẳng...” là đối hội thượng mà giải thích. “chỉ cùng ...” là kết khác hiển giống. Ngài Kinh Khê nói, chỉ cùng văn trên có ít điều không thứ lớp, tức điều một ở hai, điều hai ở một. Vì không có thứ lớp nên không tương ưng nhau. Tuy nghĩa có thứ lớp và chẳng thứ lớp, song lý tất đồng nhau. Chánh giải thích văn kinh: Nói bất chuyển, có hai: phân khoa và tùy giải thích, Thiên nữ hỏi, giải thích pháp, có hai: a, căn cứ chân đế, ngài Kinh Khê nói: Thiên nữ dùng chánh quán dụ làm sáng. Trước nói chánh quán, nên nói mười hai năm nay cầu tướng nữ nhân mà cuối cùng chẳng được. Đối trong ba đức không có tướng nam nữ. Dụ sáng cần nương vào ba đức. Ví như ...” là dụ làm sáng. Thiên là dương, địa là âm... cũng có thể nói ngày dương, đêm âm... không thể nói hết, tất cả đều ở âm dương.

Căn cứ Thế đế, ngài Kinh Khê nói: Nghiệp nếu không hết thì quyết chẳng thể chuyển. Vì chưa đền trả, cho nên chưa đáp sinh tất không thể chuyển đổi. Song chưa đền trả thì cũng có thể chuyển, nhưng không phải chỗ dẫn này. “ Ví như ... ” là giải thích dụ. Ngài Thân Tử đáp. Chê trách, ngài Kinh Khê nói: Tất cả các pháp đều hư vọng..., là không phải chỉ thế pháp là có nghĩa chuyển đổi, mà pháp xuất thế cũng vậy. Nếu cho là có nhất định thì là vọng chấp. Nói chuyển, gồm nêu ý phân khoa. Và tùy văn giải thích, Thiên nữ tự biến làm Thân Tử mà hỏi. Thân Tử với nữ thân mà đáp. Giải thích như gương... gương dụ cho pháp thân, mặt dụ cho cơ duyên, hình ảnh dụ cho hiện ứng. Gương có lý hiện hình bóng, mặt có tánh sinh hình bóng, cho nên mặt đối trước gương thì hình bóng sinh ra. Tiếp, dẫn lời Phật. Không phải nam không phải nữ, vì tất cả pháp do tâm biến ra, mà tâm không thể được, thì nam nữ sao còn. Nói chẳng phải chuyển chẳng phải không chuyển, có hai: nêu ý phân khoa. Và tùy văn giải thích. Bốn đoạn như văn. Nói giải thoát bất tư nghì hiện ra mất đi rất tự tại, chân ứng, bốn tích khó lường, nêu ý phân khoa. Tư nghì thì không, nghĩa là giải thoát tư nghì của Tiểu thừa thì không có chân ứng bốn tích. Mất “một) là đến thùy tích, là pháp thân không có hình tượng nên nói mất, ứng hóa tùy cơ nên nói là sinh. Tùy văn giải nghĩa, ngài Thân Tử hỏi. Thiên nữ đáp. Thân Tử lại hỏi. Trên Thiên nữ dùng ứng hóa của Biệt giáo mà đáp. Vì ứng hóa của Biệt Viên, không cùng chung với Nhị thừa, nên nói Biệt giáo không phải mục đích chỉ thứ lớp. Hoặc có thể chỉ cho chứng đạo của Biệt giáo. Thiên nữ giải nghi đều như huyền hóa. Vì năm đạo tới lui, đều là hư huyền. Thiên nữ cũng là hóa. Năm đạo đã như hóa, thì Thiên nữ đâu không lại thế, là để nói thân nữ không mất không sinh. Nói pháp thân và sinh thân thành đạo không giống nhau, nêu ý phân khoa. Tùy văn giải thích, Thân Tử hỏi. Thiên nữ hỏi lại. Ngài Kinh Khê nói: Ta vào chân bất tư nghì đến ta há có, đây là ước giáo môn đương phần để giải thích Biệt Viên. Vô sinh sao được làm tám tướng Tạng, Thông. Chiếu xem trên dưới đều cần giải thích này. Thân Tử đáp. Thiên nữ lại nói đều cùng, đều chẳng thấy. Mới đầu là nguyên phẩm vô minh chỉ có Phật đoạn mà thôi. Giải thích. Kế văn nêu bày, “Thân Tử ...” là chánh giải thích, có hai: a, Thân Tử hỏi, ngài Kinh Khê nói: Có ý này... là Tiểu thừa nói không có mười phương chư Phật, nhưng ý nêu không rõ, vì trong Tiểu thừa cũng chấp nhận có Phật mười phương, tuy cho là có nhưng đâu bằng Hoa Nghiêm Niết-bàn... Hoa Nghiêm thì mười phương cùng là chủ bạn. Một Phật còn thế, hưởng các Phật khác. Cho nên trong đây không nghĩa nào chẳng

rõ ràng. Thiên nữ đáp. Ngài Tịnh Danh kết thành việc Thiên nữ nói, có hai: phân khoa nêu ý. Và tùy văn giải thích, gặp chữ Phật, là thuận Phật giáo, là do cúng dường cho nên được nghe pháp viên đốn. Nương giáo tu quán, thấy rõ nhân duyên ba đạo tức là ba đế. Phần hiển ở Thường Tịch quang, nên nói là được ở nhờ thất trống. Đây là nói tự hành. Vì Từ bi..., đây là nói hóa tha. Du hí thần thông. Được Vô sinh nhẫn, nguyện tùy ý hiện, gồm Chánh giải thích và liệu giản.

